

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2026

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
của nam nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Văn Ngọc;

Bà Tao Thị Kẻo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo -
Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Lai Châu tham gia phiên
tòa:** Bà Lâm Thảo Yến - Kiểm sát viên

Ngày 21/8/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, Tòa án nhân dân
Khu vực 1 – Lai Châu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số
221/2026/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết
hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04
tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Quang S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu (nay là bản S, phường Đ, tỉnh
Lai Châu) (vắng mặt có lý do)

- Bị đơn: Chị Chèo Mỹ K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu (nay là bản S, phường Đ, tỉnh
Lai Châu) (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2026, Biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh
Phan Quang S trình bày: anh Phan Quang S và chị Chèo Mỹ K chung sống với nhau
như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống
hạnh phúc, đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,
không thể hàn gắn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai vợ chồng không hòa

hợp, thường xuyên cãi vã, mỗi người một quan điểm, không có tiếng nói chung, chị K thường xuyên đánh bài, đi chơi ngoại tỉnh, bỏ công việc gia đình. Anh Phan Quang S và chị Chèo Mỹ K ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh S được ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh Phan Quang S và chị C Mỹ Khé có 03 con chung, cháu Phan Mỹ L, sinh ngày 23/11/2005, cháu Phan Mỹ S1, sinh ngày 17/02/2007 và cháu Phan Minh Đ, sinh ngày 09/7/2011. Đối với cháu Phan Mỹ S1 và Phan Mỹ L đã thành niên (đủ 18 tuổi) có khả năng tự lao động, tự chăm sóc bản thân nên anh Phan Quang S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phan Minh Đ, sau khi ly hôn anh Phan Quang S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Minh Đ đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh S không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh S làm nghề tự do thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Phan Quang S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2026 bị đơn chị Chèo Mỹ K trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh S đúng như anh S đã trình bày, chị K và anh S phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S xin ly hôn chị K đồng ý ly hôn. Về con chung, chị K có nguyện vọng giao con chung là cháu Phan Minh Đ cho anh Phan Quang S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Minh Đ đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị K làm nghề tự do thu nhập 13.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Chèo Mỹ K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy ý kiến con chung ngày 30 tháng 7 năm 2026 của cháu Phan Minh Đ thể hiện: Cháu Phan Minh Đ là con chung của anh Phan Quang S và chị Chèo Mỹ K, cháu không có tài sản riêng gì. Nay anh S và chị K ly hôn cháu Đ có nguyện vọng được ở với anh S.

Tại công văn số 2862/UBND-VP ngày 26/7/2026 của UBND phường Đ xác định: Qua kiểm tra, xác minh trong kho lưu trữ tài liệu hộ tịch của phường, UBND phường không tìm thấy sự kiện đăng ký kết hôn giữa anh Phan Quang S và chị Chèo Mỹ K.

Tại phiên hòa giải ngày 04/8/2026 anh Phan Quang S và chị C Mỹ Khé thỏa thuận được anh Phan Quang S sẽ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phan Minh Đ cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi)

và có khả năng lao động, còn cháu Phàn Mỹ L và cháu Phàn Mỹ S1 hiện nay đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Phàn Quang S và chị C Mỹ Khé thỏa thuận và nhất trí chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phàn Quang S và chị Chèo Mỹ K chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do đó Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lai Châu đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh Phàn Quang S và chị Chèo Mỹ K, tại phiên tòa hôm nay anh Phàn Quang S và chị Chèo Mỹ K vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cũng như các văn bản pháp lý liên quan. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phàn Quang S và chị Chèo Mỹ K. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, anh Phàn Quang S sẽ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phàn Minh Đ cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Chèo Mỹ K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phàn Mỹ L và cháu Phàn Mỹ S1 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản

chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Đề nghị ghi nhận và giải thích quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”. Bị đơn chị Chèo Mỹ K cư trú tại Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu (nay là bản S, phường Đ, tỉnh Lai Châu). Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Lai Châu.

Trước thời điểm mở phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Quang S và chị Chèo Mỹ K chung sống với nhau từ năm 2004, không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh Phan Quang S và chị Chèo Mỹ K là hôn nhân không hợp pháp, đã vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi lấy nhau anh S và chị K chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 anh S và chị K phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Nay anh Phan Quang S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chèo Mỹ K. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng anh S, chị K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa anh S, chị K là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định

của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị K.

[3]. Việc nuôi con:

Anh Phan Quang S và chị Chéo Mỹ K1 có 03 con chung là cháu Phan Mỹ L, sinh ngày 23/11/2005, cháu Phan Mỹ S1, sinh ngày 17/02/2007 và cháu Phan Minh Đ, sinh ngày 09/7/2011. Đối với cháu Phan Mỹ S1 và Phan Mỹ L đã thành niên (đủ 18 tuổi) có khả năng tự lao động, tự chăm sóc bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phan Minh Đ đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu Đ được ở với anh S, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của cháu.

Tại biên bản lấy lời khai anh Phan Quang S khai làm tự do thu nhập một tháng 8.000.000 đồng, chị K1 khai làm tự do thu nhập một tháng 13.000.000 đồng, tuy nhiên anh S và chị K1 đều không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình, do vậy Tòa án căn cứ vào thu nhập bình quân của lao động tại địa phương để làm căn cứ tính thu nhập của các bên đương sự thì cả hai anh chị đều có thu nhập để thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, bản thân anh S có thu nhập ổn định và có nhà ở riêng, đủ điều kiện vật chất để đảm bảo việc nuôi con. Dựa trên việc ghi nhận ý kiến, nguyện vọng chính đáng của con chung và để đảm bảo cho con có được cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần; việc giao cháu Phan Minh Đ cho anh Phan Quang S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Hơn nữa, tại phiên hòa giải ngày 04/8/2026 anh Phan Quang S và chị Chéo Mỹ K thỏa thuận được anh Phan Quang S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Minh Đ, sinh ngày 09/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn xin xét xử vắng mặt của anh Phan Quang S và chị Chéo Mỹ K1 thể hiện anh S, chị K1 giữ nguyên ý kiến về việc ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án anh Phàn Quang S xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh anh S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Phàn Quang S thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phàn Quang S.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phàn Quang S và chị Chèo Mỹ K.

3. Việc nuôi con:

Cháu Phàn Mỹ L, sinh ngày 23/11/2005, cháu Phàn Mỹ S1, sinh ngày 17/02/2007 đã thành niên và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Phàn Quang S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phàn Minh Đ, sinh ngày 09/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Chèo Mỹ K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Chèo Mỹ K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Phàn Quang S.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 1 – Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thành viên HĐXX **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

